

Số: 1663/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt Dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp
Khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Phân xưởng VH-SC năm 2025.**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Căn cứ Luật An toàn Vệ sinh Lao động được Quốc hội thông qua ngày 25/6/2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2016;

Căn cứ Luật Khám, chữa bệnh ngày 09/01/2023 của Quốc hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024;

Căn cứ Luật Bộ Lao động ngày 20/11/2019 của Quốc hội có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Thông tư số 32/2024/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế Hướng dẫn khám sức khỏe;

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ văn bản số 1356/ĐLTKV-KH ngày 16/5/2025 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-ĐN5 ngày 19/5/2025 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;

Căn cứ Báo cáo Giám đốc ngày 05/11/2025 của Phòng TC-HC về việc khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Phân xưởng VH-SC năm 2025;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình ngày 13/11/2025 về việc phê duyệt Dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Phân xưởng VH-SC năm 2025.

Theo báo cáo ngày 14/11/2025 của Tổ thẩm định về việc Thẩm định dự toán và KHLNCC dịch vụ khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Phân xưởng VH-SC năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Phân xưởng VH-SC năm 2025 với nội dung như sau:

1. Giá trị dự toán: **28.785.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Giá trị đã bao gồm các khoản thuế, phí lệ phí liên quan. Chi tiết như phụ lục đính kèm.

2. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn sản xuất kinh doanh năm 2025.

3. Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Ký hợp đồng trực tiếp theo Điểm e), Khoản 3, Điều 8 ban hành tại Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024.

4. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2025.

5. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

6. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

7. Địa điểm thực hiện:

- Địa điểm 1 khám tại trụ sở Công ty số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Địa điểm 2 khám tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5, thôn 2, xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2: Giao cho phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định tổ chức thực hiện lựa chọn nhà cung cấp khám sức bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Phân xưởng VH-SC năm 2025 để ký kết hợp đồng đúng theo quy định hiện hành và giao cho Phòng TC-HC thực hiện giám sát, nghiệm thu công tác thực hiện khám sức bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Phân xưởng VH-SC năm 2025 đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban, Phân xưởng có liên quan trong Công ty căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang Website TKV (để đăng tải);
- Trang Website ĐLTKV (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCHC, TCKT, KHĐT, VT (Tr06)

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC DỰ TOÁN CHI PHÍ
V/V KHÁM BỆNH NGHỀ NGHIỆP CHO CBCNV PHÂN XƯỞNG VH-SC NĂM 2025
(Kèm theo QĐ số 1663/QĐ-ĐN5 ngày 14/11/2025 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV)

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng/ người)	Thành tiền	Ghi chú
I	Khám sức khỏe					
1	Khám chuyên khoa Tai - Mũi - Họng	người	41	100.000	4.100.000	Quyết định số 018/QĐ-BVCHPHCN-KTTV áp dụng từ ngày 15/7/2018;
2	Khám chuyên khoa Mắt	người	41	100.000	4.100.000	Quyết định số 018/QĐ-BVCHPHCN-KTTV áp dụng từ ngày 15/7/2018;
3	Khám chuyên khoa Thần kinh	người	41	100.000	4.100.000	Quyết định số 018/QĐ-BVCHPHCN-KTTV áp dụng từ ngày 15/7/2018;
4	Thính lực đồ	người	41	65.000	2.665.000	Quyết định số 018/QĐ-BVCHPHCN-KTTV áp dụng từ ngày 15/7/2018;
II	Báo cáo kết quả + bì thư cá nhân + kết luận phân loại sức khỏe và tư vấn	người	41	20.000	820.000	Quyết định số 018/QĐ-BVCHPHCN-KTTV áp dụng từ ngày 15/7/2018;
III	Chi phí đi lại, vận chuyển máy móc thiết bị khám từ TP. HCM - Trụ sở văn phòng công ty - Nhà máy và ngược lại	chuyến	1	13.000.000	13.000.000	Trọn gói
	Tổng cộng				28.785.000	

(Bằng chữ: Hai mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

PHỤ LỤC 02

NỘI DUNG YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP

Khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Phân xưởng VH-SC năm 2025

(Kèm theo Quyết Định số 1663/QĐ-ĐN5 ngày 14/11/2025)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT	7
Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ	7
Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất	7
Mục 3. Các yêu cầu về thương mại	7
Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất	7
Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất	7
Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất	7
Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất	9
Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất	9
Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất	10
Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp	10
Mục 11. Hợp đồng	9
Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ	10
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU	11

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ

1. Tên gói cung cấp: Khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Phân xưởng VH-SC năm 2025
2. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025;
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
4. Loại hợp đồng: Trọn gói;
5. Địa điểm thực hiện:
 - Địa điểm 1 khám tại trụ sở Công ty số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
 - Địa điểm 2 khám tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5, thôn 2, xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng.
6. Phạm vi cung cấp dịch vụ: Chi tiết như Mục 2, Chương III của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải có đơn đề xuất dự cung cấp có đầy đủ nội dung theo quy định tại mẫu số 2 đính kèm dưới đây.
2. Nhà cung cấp phải đáp ứng về tư cách hợp lệ với các điều kiện sau đây:
 - Đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
 - Có đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực Khám bệnh nghề nghiệp theo quy định.
 - Không đang trong quá trình bị giải thể, không bị kết luận đang lập vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
 - Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV.
3. Tài liệu đính kèm để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Bản sao có chứng thực);
 - Tài liệu chứng minh đủ điều kiện hoạt động Khám bệnh nghề nghiệp do cấp có thẩm quyền cấp như: giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động (Bản sao có chứng thực);
 - Cam kết trên đơn chào giá đáp ứng về tư cách hợp lệ nêu tại Khoản 2, Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 3. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá chào: Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm thực hiện cung cấp theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ không đạt.
2. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm Bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng

mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho toàn bộ đơn hàng.

3. Nhà cung cấp chào trọn gói cho toàn bộ các công việc theo nội dung yêu cầu của gói cung cấp. Chi tiết tại Mẫu số 1 đính kèm.

4. Địa điểm thực hiện:

- Địa điểm 1 khám tại trụ sở Công ty số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Địa điểm 2 khám tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5, thôn 2, xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng.

5. Điều khoản thanh toán: Chi tiết như dự thảo hợp đồng đính kèm.

Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi khoản chi phí liên quan đến quá trình tham dự cung cấp dịch vụ;

2. Đồng tiền tham dự cung cấp dịch vụ và thanh toán là VNĐ;

3. Hồ sơ đề xuất cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ đề xuất được trao đổi giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ đề xuất có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ đề xuất gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Chương III, Biểu chào giá chi tiết theo Mẫu số 02, Chương III.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp quy định tại Mục 2 của Chương này.

3. Bảng liệt kê chi tiết nội dung dịch vụ phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của dịch vụ, theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

4. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất giá là **60 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.

1. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện: Hồ sơ đề xuất

phải được đóng trong phong bì dán kín có ghi đầy đủ tên, địa chỉ của nhà cung cấp, tên, số hiệu của gói cung cấp và ghi rõ Hồ sơ đề xuất không được mở trước **16 giờ 00 phút ngày 18 tháng 11 năm 2025**, có niêm phong gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng không muộn hơn **16 giờ 00 phút ngày 18 tháng 11 năm 2025**. Hồ sơ đề xuất được gửi đến Bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Hồ sơ đề xuất sẽ được mở một cách công khai tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trong vòng 1 giờ kể từ khi có thời điểm đóng bản chào giá. Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ đề xuất, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ đề xuất vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của Nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất, giá trị bảo lãnh, thời gian và hiệu lực của bảo lãnh sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất

1. Sau khi mở Hồ sơ đề xuất, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của Bên mời cung cấp. Trường hợp Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về dịch vụ cung cấp, tài chính nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất giữa Nhà cung cấp và Bên mời cung cấp được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ đề xuất, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ đề xuất của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời cung cấp để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ đề xuất.

4. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp có Hồ sơ đề xuất cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ đề xuất và được Bên mời cung cấp bảo quản như Hồ sơ đề xuất.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách

hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời cung cấp thì Bên mời cung cấp sẽ đánh giá Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp theo Hồ sơ đề xuất đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất:

Hồ sơ đề xuất được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu được quy định tại Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất đạt mới chuyển bước tiếp theo.

Hồ sơ đề xuất không đạt về tính hợp lệ sẽ bị loại.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm đạt mới chuyển bước tiếp theo.

Hồ sơ đề xuất không đạt về năng lực và kinh nghiệm sẽ bị loại.

3. Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Nội dung, phạm vi cung cấp dịch vụ;
- Tiến độ cung cấp dịch vụ;
- Thời hạn cung cấp dịch vụ;
- Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05

Chương III - Biểu mẫu.

Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật đạt mới chuyển bước tiếp theo.

Hồ sơ đề xuất không đạt về yêu cầu về kỹ thuật sẽ bị loại.

4. Đánh giá về giá:

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v....

Hồ sơ đề xuất có đáp ứng về nội dung yêu cầu về kỹ thuật và có giá thấp hơn hoặc bằng giá dự toán được duyệt sẽ được đánh giá là đạt.

Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu;

Mục 11. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời cung cấp với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo Mẫu số 05 Chương III

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ

Nhà cung cấp phải chào dịch vụ theo nội dung yêu cầu dưới đây:

Tên gói: Khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Phân xưởng Vận hành -
Sửa chữa năm 2025;

Phạm vi, nội dung yêu cầu của cung cấp dịch vụ

STT	Tên dịch vụ	Số lượng (người)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	
I	Khám sức khỏe		
1	Khám chuyên khoa Tai - Mũi - Họng	41	
2	Khám chuyên khoa Mắt	41	
3	Khám chuyên khoa Thần kinh	41	
4	Thính lực đồ	41	
II	Báo cáo kết quả + bì thư cá nhân + kết luận phân loại sức khỏe và tư vấn	41	
III	Chi phí đi lại, vận chuyển máy móc thiết bị khám từ TP. HCM - Trụ sở văn phòng công ty - Nhà máy và ngược lại	01	

Tiến độ thực hiện các công việc dự kiến tháng 12/2025

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU**Mẫu số 01****ĐƠN CHÀO GIÁ**Ngày: _____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào GIÁ]*Tên gói dịch vụ: _____ *[Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]*Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của Bên mời cung cấp]*

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu gói mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,.....*[Ghi tên Nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ.....*[Ghi tên gói dịch vụ]* theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là.*[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại chi tiết như Mẫu số 2 đính kèm. Thời gian thực hiện hợp đồng là *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
 2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
 3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV
- Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ đảm bảo đúng chất lượng, số lượng theo yêu cầu của Bên mời cung cấp.
- Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng gói chào cung cấp]*.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA DỊCH VỤ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên dịch vụ: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ yêu cầu]

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Cộng (VNĐ)	Ghi chú
I	Khám sức khỏe					
1	Khám chuyên khoa Tai - Mũi - Họng	người	41			
2	Khám chuyên khoa Mắt	người	41			
3	Khám chuyên khoa Thần kinh	người	41			
4	Thính lực đồ	người	41			
II	Báo cáo kết quả + bì thư cá nhân + kết luận phân loại sức khỏe và tư vấn	người	41			
III	Chi phí đi lại, vận chuyển máy móc thiết bị khám từ TP. HCM - Trụ sở văn phòng công ty - Nhà máy và ngược lại	chuyến	01			
Cộng giá trị chưa thuế						
Thuế VAT %						
Tổng cộng						

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: _____ [*Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá*]

Tên gói: _____ [*Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu*]

1. Địa điểm thực hiện:
2. Thời hạn giao nộp sản phẩm:
3. Tiến độ thực hiện cung cấp dịch vụ:
4. Thanh toán:
5. Các tài liệu đính kèm hồ sơ đề xuất

Mẫu số 04**BẢN KÊ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG PHẠM VI CUNG CẤP**Ngày: _____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]*Tên gói: _____ *[Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]*

Bảng liệt kê chi tiết danh mục các công việc thực hiện của dịch vụ được chào giá, phải ghi đầy đủ tiến độ thực hiện đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: /2025/HĐSXKD-ĐN

V/v khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Phân xưởng VH-SC năm 2025

Căn cứ theo Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 được Quốc Hội khóa 11 ban hành;

Căn cứ bộ luật dân sự của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018;

Căn cứ Luật An toàn Vệ sinh Lao động số 84/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 25/6/2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2016;

Căn cứ Luật Khám, chữa bệnh 09/01/2023 của Quốc hội có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024;

Căn cứ Luật Bộ Lao động ngày 20/11/2019 của Quốc hội có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2021;

Căn cứ Thông tư số 32/2024/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế Hướng dẫn khám sức khỏe;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày /11/2025 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt Dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Phân xưởng VH-SC năm 2025;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày /11/2025 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Phân xưởng VH-SC năm 2025;

Căn cứ theo nhu cầu và khả năng chuyên môn của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, tại Trụ sở văn phòng Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, P1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Địa chỉ: Số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0263.3976.888 Fax: 0263.3974888

Tài khoản: 112000166536, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, CN Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Mã số thuế: 0104297034-007

Đại diện: **TRẦN VĂN TUẤN** Chức vụ: Giám Đốc

BÊN B:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện:

Chức vụ:

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý giao cho Bên B thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Phân xưởng VH-SC năm 2025 của Bên A với các nội dung dưới đây:

1. Số lượng: 41 người.

a. Thời gian thực hiện khám bệnh nghề nghiệp dự kiến trong tháng 11/2025, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 3 ngày bằng văn bản hoặc điện thoại, ngày khám cụ thể Bên A thông báo danh sách cho Bên B để Bên B chủ động sắp xếp Y bác sĩ và thiết bị y tế.

2. Địa điểm thực hiện:

- Địa điểm 1 khám tại trụ sở Công ty số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Địa điểm 2 khám tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5, thôn 2, xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng.

- Buổi sáng từ 7h00” đến 12h00”, buổi chiều từ 13h00” đến 16h 30”.

Danh mục khám bệnh nghề nghiệp như sau:

STT	Nội dung khám	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
I	Khám sức khỏe				
1	Khám chuyên khoa Tai - Mũi - Họng	người	41		
2	Khám chuyên khoa Mắt	người	41		
3	Khám chuyên khoa Thần kinh	người	41		
4	Thính lực đồ	người	41		
II	Báo cáo kết quả + bì thư cá nhân + kết luận phân loại sức khỏe và tư vấn	người	41		
III	Chi phí đi lại, vận chuyển máy móc thiết bị khám từ TP. HCM - Trụ sở văn phòng công ty - Nhà máy và ngược lại	chuyến	1		
	Tổng cộng				

(Bằng chữ: đồng)/.

Điều 2. THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
- Quyết định phê duyệt Dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp;
- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- Bên A có trách nhiệm cung cấp danh sách CBCNV khám bệnh nghề nghiệp và cử CBCNV của Bên A có mặt đầy đủ tại thời gian và địa điểm khám nêu trên.

- Bên A có trách nhiệm giám sát quá trình thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV do Bên B thực hiện có đảm bảo chất lượng và số lượng như yêu cầu của hợp đồng này.

- Bên A bố trí phòng khám để cho Bên B thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV của Bên A đúng thời gian quy định.

- Bên A có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV của Bên A.

- Bên A có trách nhiệm thực hiện nghiệm thu, thanh toán đúng, đủ cho Bên B theo khối lượng thực tế nghiệm thu của các nội dung khám bệnh nghề nghiệp nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- Bên B có trách nhiệm thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV của Bên A theo đúng nội dung và số lượng nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

- Bên B bố trí đội ngũ y Bác sỹ có trình độ chuyên môn lành nghề thực hiện khám xét theo quy định của pháp luật hiện hành, ân cần hướng dẫn tư vấn cho CBCNV của Bên A.

- Thiết bị, dụng cụ y tế, thuốc điều trị (nếu có) phải đảm bảo theo quy định.

- Bên B phải đảm bảo thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV Bên A đúng thời hạn và chất lượng như đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

- Bên B phải phối hợp cùng với Bên A để thực hiện nghiệm thu khối lượng công việc khám bệnh nghề nghiệp khi hoàn thành.

- Bên B phải thực hiện nghĩa vụ giải trình các nội dung liên quan đến việc thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV của Bên A khi có yêu cầu giải trình của các cấp có thẩm quyền và của Bên A.

- Bên B có trách nhiệm bảo mật thông tin liên quan kết quả khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV của Bên A.

- Bên B có trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cho CBCNV của Bên A khi thực hiện khám bệnh nghề nghiệp.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về công tác khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV mọi sự cố xác định do bên B thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 5. GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá hợp đồng: đồng (Bằng chữ: đồng). Giá đã bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan. Chi tiết như tại Điều 1 của Hợp đồng.

2. Phương thức thanh toán:

+ Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

+ Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

+ Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 90 ngày kể từ ngày Bên A nhận được 05 bộ hồ sơ thanh toán đầy đủ các chứng từ hợp lệ.

3. Tạm ứng: Bên B không tạm ứng nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và tiến độ thực hiện hợp đồng.

4. Thanh toán: Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 90 ngày kể từ ngày Bên B xuất trình đầy đủ các giấy tờ sau:

- + Đề nghị thanh toán của Bên B.
- + Bảng tổng hợp giá trị thanh toán
- + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.
- + Hóa đơn tài chính.
- + Kết quả khám sức khỏe của CBCNV do Bên B thực hiện.
- + Hợp đồng Photo.

5. Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng

ĐIỀU 6: LOẠI HỢP ĐỒNG

Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

ĐIỀU 7: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

ĐIỀU 8. HIỆU CHỈNH, BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: có phát sinh các vấn đề về thời gian thực hiện hợp đồng, khối lượng và các nội dung phát sinh khác với nội dung nêu tại Điều 1 của Hợp đồng và các vấn đề khác liên quan.

2. Trường hợp phát sinh các nội dung công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

ĐIỀU 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên B chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng

này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

ĐIỀU 10. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

a) Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình ghi trong hợp đồng thì dẫn đến thiệt hại kinh tế cho bên kia thì bên vi phạm phải chịu bồi thường thiệt hại cho bên kia.

b) Các hình thức phạt

- Trường hợp vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên A gây ra, Bên B sẽ chịu phạt 4% giá trị phần hợp đồng vi phạm cho 02 ngày chậm. Nhưng số lần vi phạm không quá 02 lần và số tiền phạt vi phạm không vượt 8% giá trị phần hợp đồng vi phạm. Nếu chậm hơn 5 ngày thì Bên A có quyền xem xét đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Phạt thanh toán chậm: Nếu Bên A chậm thanh toán theo quy định của hợp đồng thì phải bồi thường cho Bên B với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay trong hạn (phần trăm của năm) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tính từ ngày hết hạn thanh toán cho khoản tiền vi phạm đến khi bên A thanh toán hết cho Bên B.

c) Khấu trừ tiền phạt và bồi thường thiệt hại: Khấu trừ vào tiền thanh toán hoặc nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản.

d) Thưởng: Không áp dụng.

ĐIỀU 11: BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, chiến tranh, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia biết về sự việc bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 12. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: Thông qua Tòa án có thẩm quyền thuộc Tòa án tỉnh Lâm Đồng; Quyết định của Tòa án có thẩm quyền được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai Bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu mọi chi phí.

ĐIỀU 13. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên hoàn thành tất cả các trách nhiệm và nghĩa vụ nêu trong hợp đồng thì hợp đồng tự thanh lý.
3. Hợp đồng được lập thành 06 (sáu) bộ, Bên A giữ 05 (năm) bộ, Bên B giữ 01 (một) bộ, để làm cơ sở thực hiện hợp đồng, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC